

Số: 1218 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ trợ kinh phí xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 29/3/2021; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 300/CCTL-QLCT ngày 05/4/2021 của Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 239/Tr-STNMT ngày 09/4/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện trên địa bàn xã Yên Mỹ, huyện Nông

Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND các huyện: Nông Cống, Như Thanh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Công và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin chung dự án:**

- Tên dự án: Dự án xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Công và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa
- + Đại diện chủ dự án: Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa
- + Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Anh Nga; Chức vụ: Phó Chi cục trưởng.
- + Địa chỉ: Số 44C, Đại lộ Lê Lợi, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá.
- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:  
Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Tre (dung tích hồ ứng với mực nước dâng bình thường 701.130 m<sup>3</sup>) bao gồm các hạng mục công trình:
  - + Cải tạo, sửa chữa 01 đập đất với chiều dài 238,55 m;
  - + Xây dựng mới 01 tràn xả lũ;
  - + Xây dựng mới 01 tuyến đường thi công kết hợp quản lý vận hành với chiều dài 217,45 m.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng**

**2.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công, vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu... Thành phần chủ yếu: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO,...

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 5,0 m<sup>3</sup>/ngày (nước thải từ nhà vệ sinh: 1,5 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải ăn uống: 1,0 m<sup>3</sup>/ngày; nước thải rửa tay chân: 2,5 m<sup>3</sup>/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng, nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 8,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trong khu vực dự án khoảng 62,4 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng.

**2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Chất hữu cơ, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Chất thải xây dựng gồm: Đất đào không tận dụng đắp, đất bóc phong hóa, đất phá dỡ đê quai có tổng khối lượng là 8.503,2 m<sup>3</sup>; chất thải từ quá trình xây dựng như cát, đất, bê tông, đá, bao bì ... khoảng 8,0 tấn. Thành phần chủ yếu: cây cối, đất, đá, cát, xi măng, sắt, gỗ,...

#### 2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn nguy hại gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng phát sinh khoảng 10,0 kg/giai đoạn thi công.

+ Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 43,3 lít/tháng trong giai đoạn thi công.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án

#### 3.1. Về bụi, khí thải:

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu với tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô, hanh tại một số vị trí như: khu dân cư tập trung thuộc xã Yên Lạc, Yên Mỹ và khu dân cư dọc các tuyến đường liên xã, liên thôn xã Yên Lạc, Yên Mỹ.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng được che, phủ bạt kín thùng xe, hạn chế nguyên vật liệu rơi vãi, bụi phát tán ra môi trường;

- Các xe vận chuyển đổ thải, đặc biệt là bùn thải phải được lót đáy thùng nhằm giảm thiểu nước rò rỉ bùn, đất rơi vãi ra tuyến đường vận chuyển; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 1.500 m về hai phía.

- Bãi tập kết phải được quét dọn sạch, tạo ẩm (đối với vật liệu có phát sinh bụi) trước khi tập kết vật liệu để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định.

#### 3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

*\* Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần khu vực thoát nước mặt.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng; cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Đổ thải bùn nạo vét đúng vị trí bãi thải.

*\* Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân được thu gom vào 01 hố thu gom có thể tích  $2,0 \text{ m}^3$  tại khu lán trại thi công (kích thước: dài x rộng x sâu:  $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ ) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (thể tích  $5,0 \text{ m}^3$ ), nước sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống thoát chung của khu vực.

- Đối với nước thải từ quá trình ăn uống được dẫn vào bể tách dầu mỡ (có thể tích  $1,0 \text{ m}^3$ ) để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ trước khi thải thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải thi công*

Nước thải xây dựng được thu gom về 01 hố lắng tạm, thể tích  $8,0 \text{ m}^3/\text{hố}$  ( $2,0\text{m} \times 2,0 \text{ m} \times 2,0 \text{ m}$ ) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại khu vực lán trại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

*\* Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 100 lít/thùng); đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

*\* Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thi công*

- Khối lượng đất phong hóa, vật liệu rời,... được thu gom, vận chuyển, đổ thải tại lòng khe hạ lưu đập với tổng diện tích khoảng  $5.000 \text{ m}^2$ ; dung tích chứa lớn nhất khoảng  $10.000 \text{ m}^3$ .

- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... được thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa (dung tích 60 lit và 200 lit) để chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tại khu lán trại và định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường.

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Yêu cầu đơn vị thi công không vận chuyển vào thời gian cao điểm (17h-18h), ban đêm (22h-5h sáng hôm sau) để tránh gây ồn ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân khu vực.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung

nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

**4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn xây dựng (giám sát chất lượng khí thải).**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub>.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công (tại thời điểm thực hiện giám sát).
- Quy chuẩn áp dụng:
  - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
  - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
  - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
  - + QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc./.